



DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

(Kèm theo quyết định số/ Attachment with decision: /QĐ - VPCNCLOG
ngày tháng năm 2026 của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng quốc gia/
of BoA Director)

Tên phòng xét nghiệm: **Phòng xét nghiệm thuộc Phòng khám đa khoa Medlatec số 12 - Đồng Hới, Quảng Trị**

Medical Laboratory: **Laboratory of Medlatec No 12 - Dong Hoi, Quang Tri**

Cơ quan chủ quản: **Công ty TNHH Medlatec Việt Nam**

Organization: **Medlatec Viet Nam Co., Ltd**

Lĩnh vực xét nghiệm: **Hóa sinh**

Field of medical testing: **Biochemistry**

Người phụ trách/ **Nguyễn Thị Hương**

Representative: **Nguyen Thi Huong**

Số hiệu/ Code: **VILAS Med 175**

Chuẩn mực công nhận/
Accreditation criteria: **ISO 15189:2022**

Hiệu lực/ *Validation:* từ ngày / /2026 đến ngày / /2031

Địa chỉ/ *Address:* **28 Hà Văn Quan, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị**
No. 28 Ha Van Quan, Dong Hoi Ward, Quang Tri Province

Địa điểm/ *Location :* **28 Hà Văn Quan, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị**
No. 28 Ha Van Quan, Dong Hoi Ward, Quang Tri Province

Điện thoại/ *Tel:* **0356965064**

Email: **huong.nguyenthi4@medlatec.com**

Website: **www.medlatec.vn**

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS
VILAS Med 175

Lĩnh vực xét nghiệm: **Hóa sinh**
 Discipline of medical testing: **Biochemistry**

STT No.	Loại mẫu (chất chống đông- nếu có) <i>Type of sample (anticoagulant-if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm cụ thể <i>(The name of medical tests)</i>	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm <i>(Principle/ Technical test)</i>	Phương pháp xét nghiệm <i>(Test method)</i>
1.	Huyết thanh, huyết tương (Heparin) Serum, Plasma (heparin)	Định lượng ALT <i>Determination of Alanin Aminotransferase (ALT)</i>	Động học enzyme <i>Enzym kinetics</i>	MEDQB.QTXN.HS.07/ 2026 (Cobas C501)
2.		Định lượng AST <i>Determination of Aspartate aminotransferase (AST)</i>	Động học enzyme <i>Enzym kinetics</i>	MEDQB.QTXN.HS.08/ 2026 (Cobas C501)
3.		Định lượng Cholesterol <i>Determination of Cholesterol</i>	Enzym so màu <i>Enzymatic Colormetric</i>	MEDQB.QTXN.HS.14/ 2026 (Cobas C501)
4.		Định lượng Glucose <i>Determination of Glucose</i>	Động học enzyme <i>Enzym kinetics, UV</i>	MEDQB.QTXN.HS.21/ 2026 (Cobas C501)
5.		Định lượng Triglycerid <i>Determination of Triglycerid</i>	Enzym so màu <i>Enzymatic Colormetric</i>	MEDQB.QTXN.HS.35/ 2026 (Cobas C501)
6.		Định lượng Ure <i>Determination of Urea</i>	Động học enzyme <i>Enzym kinetics</i>	MEDQB.QTXN.HS.36/ 2026 (Cobas C501)
7.	Máu toàn phần/ Whole blood (EDTA-K2/K3)	Định lượng HbA1C <i>Determination of HbA1C</i>	Sắc ký lỏng hiệu năng cao Sắc ký trao đổi ion <i>High Performance Liquid Chromatography (HPLC) Ion-exchange chromatography</i>	MEDQB.QTXN.HS.24 /2026 (Tosho HPLC-723GX)

Ghi chú/ Note:

- MEDQB.QTXN.HS....: Phương pháp do PXN xây dựng/ *Laboratory development method*
- Trường hợp Phòng xét nghiệm thuộc Phòng khám đa khoa Medlatec số 12 - Đồng Hới, Quảng Trị cung cấp dịch vụ xét nghiệm phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi *cung cấp dịch vụ này/ It is mandatory for the Laboratory of Medlatec No12 - Dong Hoi, Quang Tri that provides the medical testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

